TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 232/2025/DS-PT Ngày: 24-3-2025 V/v Tranh chấp hụi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương

Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 787/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 662/2025/QĐPT-DS ngày 17/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 2680/2025/QĐ-PT ngày 05/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Xuân P, sinh năm 1981

Địa chỉ: I T, tổ B, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: I T, tổ E, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1964

Địa chỉ: I T, tổ E, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Xuân P là nguyên đơn.

(Ông P có mặt, bà N, ông R vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai của trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Xuân P trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, ông P có tham gia 02 dây hụi do bà Lê Thị N làm chủ hụi, dây 01 mở ngày 10/3/2016, kết thúc ngày 10/11/2017, dây 02 mở ngày 20/8/2017, kết thúc ngày 20/4/2019. Vào ngày 15/11/2018, bà N giao cho ông P số tiền hụi 37.100.000 đồng, đây là số tiền hụi ông đóng của dây hụi năm 2016. Tuy nhiên, bà N đã

đánh tráo sổ hụi của dây hụi năm 2019 và yêu cầu ông ký vào sổ hụi năm 2019 với số tiền hụi là 39.100.000 đồng. Ông xác định không ký tên trên sổ hụi năm 2016, chữ ký "Phú" trên sổ hụi năm 2016 là do bà N giả chữ ký của ông nên số tiền 39.100.000 đồng, ông chưa được nhận. Ông xác định chỉ ký tên trên sổ hụi năm 2019 và số tiền thực tế nhận được là 37.100.000 đồng của dây hụi năm 2016. Đối với những người tham gia chơi hụi cùng dây hụi với ông. Ông không biết thông tin cá nhân, năm sinh, địa chỉ của những người trên nên không thể cung cấp cho Tòa án. Ông cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập họ đến Tòa án vì việc bà N chưa giao tiền hốt hụi cho ông chỉ liên quan đến chủ hụi là bà N và ông. Sau khi phát hiện ra sự việc, ông nhiều lần gọi điện thoại cho bà N yêu cầu trả tiền nhưng bà N không thực hiện. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền hụi 39.100.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà N xác nhận bà là chủ của 02 dây hụi:

Dây 01 mở ngày 10/3/2016, kết thúc vào ngày 10/11/2017, có 21 người tham gia chơi, mức đóng 2.000.000 đồng/tháng, hốt hụi tháng.

Dây 02 mở ngày 20/8/2017, kết thúc vào ngày 20/4/2019, có 21 người tham gia chơi, mức đóng 2.000.000 đồng/tháng, hốt hụi tháng.

Phía nguyên đơn là ông Lê Xuân P đều tham gia cả hai dây hụi trên, ông P đều hốt hụi cả hai dây hụi và ký xác nhận. Đến tháng 08/2021, ông P đến nhà bà yêu cầu trả tiền hụi năm 2019 là vô lý. Hiện nay, bà không giữ thông tin cá nhân, địa chỉ của 21 người tham gia chơi hụi nên không có để cung cấp cho Tòa án. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N không đồng ý.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R trình bày: Ông là chồng của bà Lê Thị N, khi bà N chơi hụi ông cũng có trách nhiệm với vợ và người chơi, từ trước đến nay bà N là chủ hụi đã trả hết cho những người chơi nên yêu cầu khởi kiện của ông P là không có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 787/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân P đối với yêu cầu buộc và Lê Thị N có trách nhiệm trả cho ông P số tiền hụi 39.100.000 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/9/2024, nguyên đơn là ông Lê Xuân P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

-Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là ông Lê Xuân P trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm không đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu, chứng cứ trong hồ

sơ vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

+ Bị đơn bà Lê Thị N vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R vắng mặt.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 787/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 25/9/2024, nguyên đơn ông Lê Xuân P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2]Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là bà Lê Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P là nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn là ông Lê Xuân P trình bày: Ngày 15/11/2018, bà N giao cho ông số tiền hụi 37.100.000 đồng của năm 2016 nhưng đánh tráo dây hụi của ngày 20/4/2019, ông xác nhận chữ ký trên sổ hụi 2019 là của ông, còn chữ ký trên dây hụi 2016 do bà N giả mạo chữ ký của ông, ông không ký và nhận tiền của dây hụi năm 2016. Ông P xác nhận ông là người hốt hụi cuối cùng, ông không theo dõi diễn biến chơi hụi, ông chỉ đóng tiền hụi mỗi tháng nhưng không nhớ đóng cụ thể của tháng nào.

Ngược lại, bị đơn bà N cho rằng ông P tham gia cả 2 dây hụi, đều là người hốt hụi cuối cùng, bà đã thanh toán đầy đủ tiền hốt hụi cho ông P và ông P ký

tên vào quyển sổ học sinh do bà ghi lại và yêu cầu các hụi viên ký khi nhận tiền hốt hụi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nhận thấy, bị đơn bà N có tổ chức hai dây hụi cụ thể: Dây 01 mở ngày 10/3/2016 có 21 người tham gia chơi, mức đóng 2.000.000 đồng, hốt hụi tháng, kết thúc vào ngày 10/11/2017. Dây 02 mở ngày 20/8/2017 có 21 người tham gia chơi, mức đóng 2.000.000 đồng/tháng, hốt hụi tháng, kết thúc vào ngày 20/4/2019. Ông P đều tham gia chơi cả hai dây hụi. Khi giao nhận tiền hốt hụi thì bà N có lập danh sách các thành viên chơi hụi và ký nhận về việc nhận tiền hốt hụi theo đúng quy định tại Điều 15 Nghị định số: 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xét, ông P cho rằng chữ ký trên dây hụi năm 2016 không phải của ông, nhưng bị đơn bà N xác nhận đó là chữ ký của ông P. Theo kết luận giám định số: 1274/KL-KTHS ngày 13/4/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký đứng tên P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, chữ ký đứng tên " Phú nhi" (bên phải chữ Hốt) trên tài liệu cần giám định A2 so với chữ ký đứng tên Lê Xuân P trên 04 mẫu tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do là do cùng một người ký ra. Mặt khác, ông P xác định ông là người hốt hụi cuối cùng, thì việc ông P cho rằng bà N đã đánh tráo dây hụi của năm 2016 vào dây hụi năm 2019 là không hợp lý về mặt thời gian vì dây hụi năm 2017 kết thúc vào ngày 20/4/2019 trong khi ông P xác định ngày 15/11/2018 là ngày bà N giao tiền hụi cho ông.

Do vậy, có đủ cơ sở xác định bà N đã giao đủ tiền hốt hụi của dây hụi năm 2016 cho ông P.

Ông P kháng cáo cho rằng ông chưa hốt hụi của dây hụi năm 2016 và chữ ký nhận tiền hốt hụi năm 2016 không phải do ông ký tên là không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở.

Từ những phân tích và căn cứ quy định pháp luật nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 787/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông P phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Xuân P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 787/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân P đối với yêu cầu buộc bà Lê Thị N phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Xuân P số tiền hụi 39.100.000 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Xuân P phải nộp số tiền 1.955.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp 977.500 đồng (chín trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng) biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0043643 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P còn phải nộp 977.500 đồng (chín trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

3.2.Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016039 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Củ Chi;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương